

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG

Địa chỉ: 13 Minh Khai, Phường Nguyễn Du, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN QUÝ III NĂM 2018

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2018

ĐVT: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		47.277.545.039	25.289.000.665
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		382.490.277	7.134.312.385
1. Tiền	111		382.490.277	7.134.312.385
2. Các khoản tương đương tiền	112		0	0
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		0	0
1. Chứng khoán kinh doanh	121		0	0
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		0	0
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		46.885.120.313	17.593.072.799
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		40.632.951.535	4.526.341.179
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.074.263.732	989.231.700
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		5.099.000.000	12.000.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		78.905.046	77.499.920
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		0	0
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		0	0
IV. Hàng tồn kho	140		0	527.102.048
1. Hàng tồn kho	141		0	639.733.314
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		0	-112.631.266
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.934.449	34.513.433
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		7.123.108	17.851.600
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.811.341	0
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		0	16.661.833
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		0	0
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		0	0
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		309.677.254.909	299.666.287.194
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		0	0
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		0	0
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		0	0

5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		0	0
6. Phải thu dài hạn khác	216		0	0
7. Dự phòng các khoản phải thu dài hạn khó đòi	219		0	0
II. Tài sản cố định	220		0	3.889.765.519
1. Tài sản cố định hữu hình	221		0	3.889.765.519
- Nguyên giá	222		0	6.215.264.087
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		0	-2.325.498.568
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		0	0
- Nguyên giá	225		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		0	0
3. Tài sản cố định vô hình	227		0	0
- Nguyên giá	228		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		0	0
III. Bất động sản đầu tư	230		0	0
- Nguyên giá	231		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		0	0
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		0	0
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		0	0
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		0	0
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		309.677.254.909	295.776.521.675
1. Đầu tư vào công ty con	251		284.122.248.833	307.793.750.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		34.800.000.000	0
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		12.000.000.000	0
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-21.244.993.924	-12.017.228.325
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		0	0
VI. Tài sản dài hạn khác	260		0	0
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		0	0
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		0	0
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		0	0
4. Tài sản dài hạn khác	268		0	0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		356.954.799.948	324.955.287.859
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		27.526.159.650	13.577.844.611
I. Nợ ngắn hạn	310		27.526.159.650	13.577.844.611
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		20.275.403.434	186.401.904
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.376.411.100	1.376.411.100
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313		2.712.229.580	14.589.230
4. Phải trả người lao động	314		0	0
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		0	0
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		10.484.864	0
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		0	0
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		1.630.672	442.377

1500
CỔ
CỔ
ĐÃ
SAOTI
4M ĐII

10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		3.150.000.000	12.000.000.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		0	0
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		0	0
13. Quỹ bình ổn giá	323		0	0
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính Phủ	324		0	0
II. Nợ dài hạn	330		0	0
1. Phải trả dài hạn người bán	331		0	0
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		0	0
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		0	0
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		0	0
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		0	0
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		0	0
7. Phải trả dài hạn khác	337		0	0
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		0	0
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		0	0
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		0	0
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		0	0
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		0	0
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		0	0
D-VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		329.428.640.298	311.377.443.248
I. Vốn chủ sở hữu	410		329.428.640.298	311.377.443.248
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		323.000.000.000	323.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		323.000.000.000	323.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		0	0
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		113.603.333	113.603.333
3. Quyền chọn sửa đổi trái phiếu	413		0	0
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		0	0
5. Cổ phiếu quỹ	415		-437.449.533	-437.449.533
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		0	0
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		0	0
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		291.971.737	291.971.737
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		0	0
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		0	0
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.460.514.761	-11.590.682.289
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-11.590.682.289	0
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		18.051.197.050	-11.590.682.289
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		0	0
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		0	0
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
1. Nguồn kinh phí	431		0	0
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		356.954.799.948	324.955.287.859

442
 CÔNG TY
 HẠN
 TỰ
 G L O I
 T.NA

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Mơ

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Đỗ Thị Thư

Ngày 18 tháng 10 năm 2018

Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)




Bùi Việt Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG

Địa chỉ: 13 Minh Khai, Phường Nguyễn Du, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ 01/01/2018 đến ngày 30/09/2018

ĐVT: VND

Chi tiêu	Mã chi tiêu	Thuyết minh	Quý 3/2018	Quý 3/2017	Lũy kế năm nay	Lũy kế năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		0	12.469.598.272	178.847.083.607	29.315.166.619
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0	0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		0	12.469.598.272	178.847.083.607	29.315.166.619
4. Giá vốn hàng bán	11		0	11.757.372.827	161.590.194.221	27.699.839.262
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20=10-11)	20		0	712.225.445	17.256.889.386	1.615.327.357
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		108.357.136	171.600	12.576.387.440	170.481.141
7. Chi phí tài chính	22		0	70.448.283	9.707.503.736	251.801.606
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0	0	0	0
8. Chi phí bán hàng	25		3.861.500	363.810.636	11.982.000	916.188.123
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		122.102.746	221.283.834	566.522.783	527.681.597
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh(30=20+(21-22) - (24-25-26))	30		(17.607.110)	56.854.292	19.547.268.307	90.137.172
11. Thu nhập khác	31		0	0	123.459.211	0
12. Chi phí khác	32		0	0	0	0
13. Lợi nhuận khác(40=31-32)	40		0	0	123.459.211	0
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)	50		(17.607.110)	56.854.292	19.670.727.518	90.137.172
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		0	11.370.800	1.619.530.468	18.027.400
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0	0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60		(17.607.110)	45.483.492	18.051.197.050	72.109.772



18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70			0	0	0	0
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			0	0	0	0

Ngày 18 tháng 10 năm 2018

Tổng Giám Đốc

(Ký, họ tên)



Bùi Việt Dũng

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Đỗ Thị Thu

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Mơ



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG

Địa chỉ: 13 Minh Khai, Phường Nguyễn Du, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Phương pháp trực tiếp)

Từ ngày 01/01/2018 đến 30/09/2018

ĐVT: VNĐ

Chi tiêu	Mã chi tiêu	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		205.341.569.058	26.742.066.148
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(157.848.294.147)	-27.800.830.146
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(336.206.981)	-602.680.099
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(479.738.137)	0
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(3.275.542)	-17.210.548
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		75.000.000	189.305.254
7. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	07		(952.876.359)	-686.753.976
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		45.796.177.892	-2.176.103.367
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn	21		0	0
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn	22		0	0
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		0	0
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		6.901.000.000	0
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(50.599.000.000)	-157.508.000.000
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		0	7.734.547
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(43.698.000.000)	-157.500.265.453
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	158.000.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của	32		0	0
3. Tiền thu từ đi vay	33		3.150.000.000	0
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(12.000.000.000)	0
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		0	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(8.850.000.000)	158.000.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(6.751.822.108)	-1.676.368.820



Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		7.134.312.385	2.752.254.881
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		0	0
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		382.490.277	1.075.886.061

Ngày 18 tháng 10 năm 2018

Người lập biểu

(Ký, họ tên)



Nguyễn Thị Mơ

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)



Đỗ Thị Thu

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Bùi Việt Dũng



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG

Địa chỉ: 13 Minh Khai, phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý III năm 2018 (Công ty mẹ)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2018 (Công ty mẹ)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần

2. Ngành nghề kinh doanh chính trong năm:

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: Bán buôn sách giáo khoa, sách khác, văn phòng phẩm; Bán buôn thiết bị đồ dùng dạy học, tranh ảnh bản đồ, đĩa CD và các ấn phẩm phục vụ giáo dục);
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Xuất bản sách (Chi tiết: Phát hành sách);
- Xuất bản báo, tạp chí và các ấn phẩm định kỳ (Chi tiết: Phát hành sách, báo, tạp chí, tranh ảnh bản đồ, đĩa CD và các ấn phẩm phục vụ giáo dục);
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Sản xuất thiết bị đồ dùng dạy học, văn phòng phẩm);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (không bao gồm môi giới, đấu giá, sàn giao dịch bất động sản))./.

Theo Nghị quyết 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 01 năm 2018 của Đại hội đồng Cổ đông, công ty bổ sung thêm một số ngành nghề kinh doanh như sau:

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: buôn bán than và nhiên liệu rắn;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như: Các nhà máy lọc dầu, các xưởng hóa chất; Xây dựng công trình như: Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, cảng du lịch, cửa cống..., đập và đê; Xây dựng đường hầm; Các công việc xây dựng khác không phải nhà như: Các công trình thể thao ngoài trời;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng nhà các loại;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác./.

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Trong vòng 12 tháng

4. Tổng số các công ty con : 03

Trong đó: Số lượng các công ty con được hợp nhất: 03

5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Tư vấn và Quản lý SmartInvest	30D, Phố Kim Mã Thượng, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội	84,592%	84,592%
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Hưng Thịnh An	Số 10 ngõ 77/50 Bùi Xương Trạch, Khương Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	99,995%	99,995%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG

Địa chỉ: 13 Minh Khai, phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý III năm 2018 (Công ty mẹ)

Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Nam Định 13 Minh Khai, Phường Nguyễn Du, TP Nam Định, tỉnh Nam Định 99,880% 99,880%

Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Nam Định trở thành Công ty con theo QĐ số 03/QĐ-HĐQT ngày 09 tháng 02 năm 2018

6. Công ty liên kết, Công ty góp vốn không hợp nhất theo phương pháp vốn chủ

<i>Tên công ty</i>	<i>Lý do không hợp nhất</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH Thương mại Nam Biên	Công ty liên kết đang trong giai đoạn mới thành lập, chưa có hoạt động sản xuất kinh doanh	32%	32%
Công ty CP Thời trang Clothesrack	Công ty chưa hoàn thành xong việc góp vốn	37%	37%

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015, Thông tư 202/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Lãnh đạo đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, thông tư 202/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

2. Đầu tư tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG

Địa chỉ: 13 Minh Khai, phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý III năm 2018 (Công ty mẹ)

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 50 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm
Tài sản cố định khác	06 năm

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất là lâu dài nên Công ty không thực hiện trích khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG

Địa chỉ: 13 Minh Khai, phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý III năm 2018 (Công ty mẹ)

6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích hoạt động, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

7. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ, được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản.

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay

Các khoản vay được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng vay, kế ước nhận nợ

Các khoản vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, các khoản vay đến hạn trả trong vòng 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh tiếp theo được phân loại là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, các khoản có thời gian trả nợ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

10. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG

Địa chỉ: 13 Minh Khai, phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý III năm 2018 (Công ty mẹ)

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Doanh nghiệp đang nộp thuế với thuế suất là 20%

13. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

14. Nợ phải trả tài chính

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG

Địa chỉ: 13 Minh Khai, phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý III năm 2018 (Công ty mẹ)***Nợ phải trả tài chính***

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
382.490.277	7.134.312.385

2. Phải thu khách hàng ngắn hạn

<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
40.632.951.535	4.526.341.179

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
1.074.263.732	989.231.700

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
5.099.000.000	12.000.000.000

5. Chi phí trả trước ngắn hạn

<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
7.123.108	17.851.600

6. Phải trả người bán ngắn hạn

<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
20.275.403.434	186.401.904

7. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
1.376.411.100	1.376.411.100

8. Phải trả ngắn hạn khác

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG

Địa chỉ: 13 Minh Khai, phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý III năm 2018 (Công ty mẹ)

<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<u>1.630.672</u>	<u>442.377</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG

Địa chỉ: 13 Minh Khai, phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý III năm 2018 (Công ty mẹ)**9. Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đồng không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm nay	<u>323.000.000.000</u>	<u>113.603.333</u>	<u>(437.449.533)</u>	<u>291.971.737</u>	<u>(10.099.073.791)</u>	<u>23.283.699</u>	<u>312.892.335.445</u>
Tăng do góp thêm vốn bằng tiền	-	-	-	-	-	-	-
Sử dụng thặng dư cho chi phí khi tăng vốn	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	18.051.197.050	32.851.522.377	50.902.719.427
Số dư cuối kỳ	323.000.000.000	113.603.333	(437.449.533)	291.971.737	7.952.123.259	32.874.806.076	363.795.054.872

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG

Địa chỉ: 13 Minh Khai, phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý III năm 2018 (Công ty mẹ)

10. Doanh thu

<u>Quý III/2018</u>	<u>Quý III/2017</u>
	12.469.598.272

11. Chi phí quản lý doanh nghiệp

<u>Quý III/2018</u>	<u>Quý III/2017</u>
122.102.746	221.283.834

12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

<u>Quý III/2018</u>	<u>Quý III/2017</u>
	11.370.800

13. Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế

<u>Quý III/2018</u>	<u>Quý III/2017</u>
(17.607.110)	45.483.492

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Mơ

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đỗ Thị Thư

Lập ngày 3 tháng 6 năm 2018

Tổng giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)



Bùi Việt Dũng